

Bản án số: 26/2021/HS-ST

Ngày: 02-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trần Thị Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Ông Nguyễn Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 211/2020/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/HSST-QĐ ngày 30/12/2020 và đối với các bị cáo họ và tên:

1. VMK (tên gọi khác: CC); giới tính: Nam; sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 55/3 HTP, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 74/2 hẻm 1225 HTP, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông VVH, sinh năm 1962 và bà NTM, sinh năm 1963; vợ NNTT sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2019; tiền án: bản án số 01/2014/HSST ngày 03/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện NB xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bản án số 16/2015/HSST ngày 10/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện NB xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/4/2017 tiền sự: không; bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 12/01/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. HNH (tên gọi khác: HQ); giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại tỉnh BL; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 3, Phường 1, thị xã G, tỉnh L; nơi cư trú: 550/1/6 ấp 3, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông HVC, sinh năm 1952 và bà TTL (chết); chưa vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Quyết định số 79/2018/QĐ-TA của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại Quyết định số 13/2018/QĐ-TA ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành

xong ngày 08/6/2019. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. ĐHQB (tên gọi khác: BÐ); giới tính: Nam; sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 4/6 khu phố 5, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 5/5 ấp 4 xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông ĐVT, sinh năm 1969 và bà LTTC sinh năm 1968; vợ LNTĐ, sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 12/01/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty Cổ phần V, địa chỉ trụ sở: Xóm 3, thôn L, xã K, huyện H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: Số 164 O, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp của Công ty: Ông NNL và bà PNHH và ông PTA – là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 159/2020/QUQ-VNC ngày 21/9/2020 và giấy ủy quyền số 218/2020/GUQ-VNC ngày 22/9/2020 của Công ty Cổ phần V). (Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà NNTT, sinh năm 1996, địa chỉ: Số 74/2 Đường H, Khu phố 4, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- Bà NTP, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 200 Khu 6, thị trấn C, huyện L, tỉnh G (vắng mặt tại phiên tòa)

- Bà LTTC, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 5/5 Ấp 4, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

VMK là nhân viên Công ty Cổ phần V (gọi tắt Công ty) theo Hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng, từ ngày 01/11/2019 đến 31/10/2020 với cương vị làm việc là nhân viên tổng hợp. Nhiệm vụ của K là nhập hàng, xuất hàng, kiểm kê, sắp xếp hàng hóa trong kho, bàn giao hàng cho nhân viên giao hàng, nhận hàng trả về hoặc hàng thu từ đối tác mà nhân viên giao cho, dán nhãn in hóa đơn với những đơn hàng mới nhận và các công việc khác theo chỉ đạo của Quản lý trực tiếp, thu tiền hàng của các nhân viên khác và đi chuyển tiền hàng thu được của ngày hôm trước cho Công ty vào lúc 12 giờ của ngày hôm sau tại Ngân hàng. Trong quá trình làm việc, K lợi dụng khe hở của Công ty trong việc thu, nộp tiền nên đã nhiều lần dùng tiền của Công ty để tiêu xài cá nhân. Mỗi tháng, K lấy khoảng 10.000.000 đồng của Công ty để tiêu xài, để tránh bị phát hiện, K dùng tiền thu được của ngày hôm sau để “gói đầu” bù vào số tiền thâm hụt của ngày hôm trước. Đến ngày 06/01/2020 là ngày K phải tất toán tất cả nộp cho Công ty số tiền là 225.800.000 đồng, nhưng K tiêu xài thâm hụt của Công ty hết 90.000.000 đồng, nên không đủ tiền nộp cho Công ty. Do đó, mặc dù chỉ mới xài thâm hụt của Công ty 90.000.000 đồng nhưng K lại nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 225.800.000 đồng của Công ty, nên K đã dàn cảnh cướp giật

chiếc túi xách của mình, rồi K báo với Công ty là bị cướp giật mất hết số tiền trên. Cụ thể như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 06/01/2020, sau khi giao hàng xong K đến tiệm game bắn cá gặp HNH và nói cho H nghe việc K đã tiêu xài thâm hụt tiền của Công ty nhưng không nói cho H số tiền thâm hụt là bao nhiêu, chỉ nói không có khả năng trả lại, nên nhờ H thực hiện việc dàn cảnh cướp giật chiếc túi xách bên trong có tiền của Công ty rồi sẽ cho H số tiền 10.000.000 đồng để trong túi xách, H đồng ý và H cũng không hỏi rõ về số tiền mà K muốn chiếm đoạt của Công ty là bao nhiêu. Sau đó, H nói cho ĐHQB biết ý định của K là dàn cảnh cướp giật để chiếm đoạt tiền của Công ty K và rủ B cùng thực hiện, B đồng ý. K bàn với H sẽ thực hiện việc dàn cảnh cướp giật gần Công ty của K, thời gian là từ 13 giờ – 13 giờ 30 khi K đem tiền ra Ngân hàng chuyển khoản cho Công ty.

Đến khoảng 13 giờ ngày 06/01/2020, H điều KH xe gắn máy hiệu Nouvo màu đỏ đen, biển số ZZZ chở B đến đường O, phường T, Quận 7, rồi H nhắn tin báo cho K biết đã đến địa điểm hẹn. Đến khoảng 13 giờ 10, K lấy 10.000.000 đồng của Công ty trong tổng số tiền K thu được ngày 06/01/2020 bỏ vào túi da màu đen rồi điều khiển xe gắn máy hiệu Wave α , màu trắng, biển số 59C2 – 444.65 ra khỏi Công ty, túi da màu đen K để trên бага xe. Số tiền còn lại K bỏ vào một chiếc ba lô màu đỏ để chỗ bàn làm việc. Khi thấy K chạy ngang, H chở B chạy bám theo. Đến ngã 3 đường O – đường CTC, phường P, Quận 7, K rẽ phải vào đường CTC, H và B vẫn chạy theo. Khi K đi đến bãi đất trống trước số A47 CTC thì H tăng ga chạy lên ép xe K, nhưng chưa kịp ép thì K tự ngã qua bên phải. Thấy K ngã, B xuống xe đến lấy túi da màu đen của K để trên бага xe, rồi lên xe H chở chạy đi, thấy vậy nên K giả vờ chồm lên giữ túi xách lại và tri hô: “Cướp Cướp”. Sau đó, K dựng xe lên giả vờ chạy đuổi theo H và B. Khi K chạy ra đến đường P thì không thấy H và B, K quay về Công ty báo lại sự việc bị cướp giật số tiền 225.800.000 đồng. Sau đó, K đến Công an phường P trình báo sự việc bị cướp giật tài sản với số tiền: 225.800.000 đồng. Qua làm việc, K khai nhận việc dàn cảnh vụ cướp giật nhằm chiếm đoạt số tiền 225.800.000 đồng của Công ty.

H và B sau khi dàn cảnh cướp giật được chiếc túi xách đã nhanh chóng tẩu thoát, khi đi đến trước bãi cỏ trước vườn ươm Tuổi thơ trên đường NVL, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, H dừng xe lại, B kiểm tra túi xách lấy 10.000.000 đồng, còn túi xách vứt trên bãi cỏ. Đến ngày 07/01/2020, K vào Công ty lấy chiếc ba lô màu đỏ bên trong còn tiền của Công ty là 125.171.878 đồng đem về nhà cất giữ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 7, Võ Minh K, ĐHQB đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, bị cáo VMK thừa nhận tổng số tiền chiếm đoạt của Công ty là 229.806.495 đồng bao gồm tiền hàng thu được ngày 04 và 05/01/2020 là 219.806.495đ và sáng ngày 06/01/2020 là 10.000.000đ, không phải là 225.800.000 đồng.

Về dân sự: Công ty Cổ phần V yêu cầu các bị cáo HNH, ĐHQB phải bồi thường cho Công ty số tiền 10.000.000 đồng mà các bị cáo đã được VMK trả công để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của Công ty, bị cáo VMK phải bồi thường số tiền 219.806.495 đồng đã chiếm đoạt và đề nghị xử lý các bị cáo thật nặng để đủ sức răn đe.

Bản Cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 14/8/2020 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo VMK, HNH, ĐHQB về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 3 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, điểm m, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo VMK từ 05 (năm) 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng Khoản 3 Điều 175; Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm m Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo HNH từ 05 (năm) đến 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng Khoản 3 Điều 321; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo ĐHQB từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo cho bị hại và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

VMK là nhân viên, được Công ty Cổ phần V giao nhiệm vụ thu tiền nộp về cho Công ty. K đã dùng thủ đoạn gian dối dàn cảnh vụ cướp giật nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản là số tiền 229.806.495 đồng của Công ty. K nói cho HNH biết kế hoạch của K và nhờ H thực hiện việc cướp giật tài sản là để nhằm mục đích trên. H đồng ý và rủ ĐHQB thực hiện, giúp sức cho H để K đạt mục đích chiếm đoạt số tiền của Công ty. HNH, ĐHQB thực hiện kịch bản do K yêu cầu được trả công là 10.000.000 đồng.

Hành vi này của các bị cáo cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố là đúng người, đúng tội.

[3] Các bị cáo phạm tội do tham lam tư lợi. Hành vi này là nghiêm trọng vì đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản sở hữu hợp pháp của pháp nhân, xét cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và ngăn ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo VMK, HNH, ĐHQB thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo VMK đã nộp lại số tiền 100.000.000 đồng và tự nguyện nộp số tiền 11.573.000 đồng để khắc phục hậu quả. Mẹ bị cáo B là bà LTTC đã tự nguyện nộp lại số tiền 10.000.000đ để khắc phục hậu quả cho bị cáo B và H. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo VMK giữ vai trò là người chủ mưu, đưa ra kế hoạch thực hiện, bị cáo HNH là đồng phạm có vai trò giúp sức tích cực cho K trong việc đi tìm B để phụ giúp, trực tiếp nhắn tin cho K và điều khiển xe gắn máy thực hiện việc cướp giật. Bị cáo ĐHQB tham gia với vai trò hạn chế hơn các bị cáo khác, chỉ ngồi sau xe của H và đi xuống cầm cái giỏ xách khi bị cáo K giả bộ té xuống rồi lên xe H chờ tàu thoát. Do đó các bị cáo Võ Minh K, HNH phạm tội thuộc trường hợp dùng thủ đoạn tinh vi, xảo ngụyệt, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm m Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, riêng VMK có 02 tiền án nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là, tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về vật chứng vụ án:

Thu giữ của bị cáo vmk:

- K nộp lại số tiền: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là tiền của Công ty, nên xét trả lại cho Công ty.

- Số tiền 11.573.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo K. Tại phiên tòa, K đồng ý lấy số tiền này để bồi thường cho bị hại, nên xét trả số tiền trên cho Công ty.

- 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave màu trắng, biển số ZZZZ; số khung: 216DY – 401436, số máy: C12E – 5401279, xe do bà NNTT đứng tên chủ sở hữu, bà Tiên cho K mượn xe làm phương tiện đi làm, bà không biết K dùng phương tiện phạm tội, nên xét trả lại cho bà Tiên.

- 01 (một) cái ba lô màu đỏ đen nhãn hiệu “LAZA”, kích thước 10x25x50cm, đây là công cụ phạm tội nên xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu vàng hồng, số IMEI: 357625080987228, có số thuê bao: 0902388634, K dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên xét tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Thu giữ của HNH:

- 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ đen, gắn biển số: YYY, số khung: CN5P110AY193188, số máy: 5P100YV2, Theo H khai, xe này mua của người người bạn không rõ nhân thân lai lịch. Qua xác minh xe biển số xe YYY, có số khung TPCG012VT004947, số máy FMG-3*20277334*, xe do bà NTP, hiện xe bà P đã bán và bà không có yêu cầu gì. Xác minh xe máy có số khung: CN5P110AY193188, số máy: 5P100YV2 không tìm thấy dữ liệu tra cứu. Kết luận giám định số 1450/KLGD-X, ngày 28/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận số khung: CN5P110AY193188, số máy: 5P100YV2 không đổi. Đây là phương tiện bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội nên xét tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) nón B hiểm màu đen, phía trên nón có chữ “Honda” màu trắng, hai bên nón có chữ “Air Blade” màu đỏ, H sử dụng vào ngày 06/01/2020 khi thực hiện hành vi dàn cảnh cướp giật, xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) sim điện thoại di động có số seri: 8401 – 1811 – 5038 – 0804, H dùng để gọi và nhắn tin cho K vào ngày 06/01/2020, xét tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ của ĐHQB, gồm:

- 01 (một) nón B hiểm màu xanh xám, có logo “Piaggio” phía trước bên trái, quai nón màu đen; 01 (một) túi da màu đen, kích thước 03x25x15cm, trên túi có ghi chữ “POLO”, là công cụ phạm tội nên xét tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 10.000.000 đồng là tiền mà bị cáo K lấy của Công ty để trả công cho bị cáo B và H đã thực hiện hành vi cướp giật, giúp bị cáo K chiếm đoạt tiền của Công ty. Mẹ bị cáo B bà LTTC tự nguyện nộp thay số tiền trên cho bị cáo B và H. Tại phiên tòa, bà Cúc không có yêu cầu gì đối với số tiền này, nên xét trả lại cho Công ty số tiền trên.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần V yêu cầu bị cáo VMK phải bồi thường số tiền 219.806.495 đồng và bị cáo HNH, ĐHQB phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo K đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền đã chiếm đoạt là 100.000.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo K đồng ý lấy số tiền 11.573.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của K và tiền lương tháng 12/2019 và ½

tiền lương tháng 01/2020 mà Công ty chưa trả cho bị cáo là 25.783.967 đồng để tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Công ty. Bị cáo H và B đã được bà LTTC nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho Công ty. Số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại còn lại là 82.449.528 đồng, bị cáo K cũng đồng ý bồi thường cho Công ty.

Xét có căn cứ trả lại cho Công ty tổng số tiền 121.573.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo; ghi nhận sự tự nguyện của Công ty và bị cáo K về việc đồng ý cản trừ tiền lương tháng 12/2019 và ½ tiền lương tháng 01/2020 mà Công ty chưa trả cho bị cáo K là 25.783.967 đồng vào số tiền mà bị cáo K phải bồi thường cho Công ty; nên buộc bị cáo VMK còn phải tiếp tục bồi thường cho Công ty số tiền còn lại là 82.449.528 đồng.

[8] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo K còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[9] Các bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: VMK, HNH, ĐHQB cùng phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 3 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, điểm m, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo VMK 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2020.

2. Áp dụng Khoản 3 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, điểm m Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo HNH 05 (năm) tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2020.

3. Áp dụng Khoản 3 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo ĐHQB 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2020.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo VMK phải bồi thường cho Công ty Cổ phần V số tiền 82.449.528 đồng

Kể từ ngày Cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền các bị cáo phải bồi thường nếu bị cáo chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần V số tiền 121.573.000 đồng

- Trả lại cho bà NNTT 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave màu trắng, biển ZZZ; số khung: 216DY – 401436, số máy: C12E – 5401279.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái ba lô màu đỏ đen nhãn hiệu “LAZA”, kích thước 10x25x50cm; 01 (một) nón B hiểm màu đen, phía trên nón có chữ “Honda” màu trắng, hai bên nón có chữ “Air Blade” màu đỏ; 01 (một) sim điện thoại di động có số seri: 8401 – 1811 – 5038 – 0804; 01 (một) nón B hiểm màu xanh xám, có logo “Piaggio” phía trước bên trái, quai nón màu đen; 01 (một) túi da màu đen, kích thước 03x25x15cm, trên túi có ghi chữ “POLO”,.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu vàng hồng, số IMEI: 357625080987228, có số thuê bao: 0902388634; 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ đen, gắn biển số: 63S1 – 1344, số khung: CN5P110AY193188, số máy: 5P100YV2

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 122 ngày 27/7/2020 của Chi cục THADS Quận 7 và Lệnh thanh toán ngày 17/8/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Nam Sài Gòn).

5.Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo VMK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.122.476 đồng.

6. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
 - Sở Tư pháp Tp. HCM;
 - VKSND Quận 7;
 - Công an Quận 7;
 - Chi cục THADS Q.7;
 - Các bị cáo;
 - Các đương sự;
 - Lưu số án, VT, hồ sơ.
- (TK Trang)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Phương